

Số: /BC-UBND

Quảng Phú, ngày tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO

**Kết quả rà soát xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số
và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định
tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP trên địa bàn xã Quảng Phú**

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Thủ Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030;

Thực hiện Công văn số 9151/UBND-KGVX ngày 15/6/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng về việc rà soát xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP; Công văn số 1533/SDTTG-NVDT ngày 06/7/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng về việc rà soát xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP.

Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú, báo cáo kết quả rà soát xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, trên địa bàn xã như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Xã Quảng Phú mới được thành lập trên cơ sở sáp nhập từ các xã Quảng Phú, Đắk Nang và Đức Xuyên (cũ) theo Nghị quyết số 1671/NQ-UBTVQH ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Lâm Đồng. Phía Đông giáp xã Nam Kar; phía Tây giáp xã Quảng Sơn; phía Nam giáp xã Quảng Hòa; phía Bắc giáp xã Nam Nung. Xã có diện tích tự nhiên rộng 263,59 km²; 4.047 hộ, với 17.365 nhân khẩu, người đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 44,5 %. Toàn xã có 11 thôn, bon (sau sắp xếp các thôn, buôn) với 15 thành phần dân tộc cùng sinh sống.

Trong những năm qua được sự đầu tư của nhà nước trong việc thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, sự chung tay của cả hệ thống chính trị trong việc chăm lo đời sống vùng đồng bào dân tộc thiểu số phát triển kinh tế - xã hội. Bộ mặt nông thôn xã Quảng Phú đã khởi sắc, đời sống người đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn xã ổn định và phát triển; các chính sách an sinh xã hội, các dự án trong vùng đồng bào dân tộc được triển khai toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, điều kiện đời sống của người dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn, thu nhập còn thấp, số hộ nghèo còn cao...

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Trung ương, UBND tỉnh, hướng dẫn của các Sở, ban ngành; UBND xã đã rà soát phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Quảng Phú.

2. Thời gian tổ chức thực hiện

- Thời gian rà soát từ ngày 08/7/2025 - 12/7/2026 (kể cả thứ Bảy và Chủ Nhật); Không thực hiện xác định phân định lại đối với đơn vị hành chính cấp xã, các thôn không thực hiện sắp xếp.

- Thời gian họp thẩm định, phân định tại cấp xã từ 13/7/2026 - 15/7/2026.

3. Các thôn, buôn, bon trước sắp xếp

Trước sắp xếp, tổng số thôn, buôn, bon (gọi tắt là thôn) trên địa bàn xã Quảng Phú là 21 thôn. Tại Quyết định số 184/QĐ-UBND, ngày 15/01/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng đã công nhận xã Quảng Phú thuộc khu vực III. Trong đó:

- Số thôn, buôn, bon thuộc vùng miền núi là: 21/21 thôn;

- Số thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số là 11 thôn, bon: gồm thôn Phú Hòa, Phú Xuân, Phú Vinh, Phú Lợi, Phú Trung, Phú Sơn, Phú Thịnh, Buôn Krue, Đắc Nang, Phú Tiến và Bon Choih.

4. Các thôn, bon sau sắp xếp

4.1 Các thôn, buôn thực hiện sắp xếp

Tổng số thôn, buôn thực hiện sắp xếp là 17 thôn, bon. Cụ thể:

(Chi tiết có Biểu 01 kèm theo).

4.2. Các thôn, bon không thực hiện sắp xếp

Có 04 thôn, bon không thực hiện sắp xếp gồm: Thôn Phú Thuận, Phú Vinh, Phú Thịnh, Bon Choih và không cần đánh giá lại các tiêu chí.

(Chi tiết có Biểu 01 kèm theo).

5. Việc đánh giá, phân định lại thôn sau sắp xếp

Theo hướng dân của Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Công văn số 1533/SDTTG-NVDT ngày 06/7/2026 về việc rà soát xác định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP, thì không thực hiện việc xác định, phân định lại đối với đơn vị hành chính cấp xã, các thôn không thực hiện sắp xếp. Cụ thể:

Có 04 thôn, bon không thực hiện việc xác định, đánh giá lại; Có 07 thôn phải thực hiện việc xác định, phân định lại, cụ thể: *(Chi tiết có Biểu 01 kèm theo).*

III. TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH ĐỊA BÀN

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2030 (gọi tắt là *Nghị định 272/2025/NĐ-CP*).

1. Tiêu chí xác định đối với thôn

1.1. Về tiêu chí xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số

Tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP quy định: *Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số là thôn có từ 15% người dân tộc thiểu số trở lên sinh sống ổn định thành cộng đồng.*

Qua rà soát đối với các thôn thực hiện sắp xếp, thì xã Quảng Phú có 04/07 thôn đạt các tiêu chí trên (*Chi tiết có Biểu 01 kèm theo*).

1.2. Về tiêu chí xác định thôn miền núi

Tại điểm a, b, khoản 1, Điều 5 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP quy định: Thôn miền núi là thôn đáp ứng ít nhất 01 trong 02 tiêu chí sau đây:

a) *Có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên nằm độ cao từ 200 mét trở lên so với mực nước biển;*

b) *Có ít nhất 2/3 diện tích tự nhiên có độ dốc địa hình từ 15% trở lên.*

Qua rà soát đối với các thôn thực hiện sắp xếp, thì xã Quảng Phú có 07/07 thôn đáp ứng cả 02 tiêu chí (*Chi tiết có Biểu 01 kèm theo*).

1.3. Kết quả xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tại điểm a, b, khoản 1, Điều 6 Nghị định số 272/2025/NĐ-CP xác định: Thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là thôn tập trung ít nhất 01 trong 02 điều kiện sau đây:

a) *Đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 của Nghị định này;*

b) *Đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định này.*

Căn cứ vào các tiêu chí trên, qua rà soát xã Quảng Phú, có 07/07 thôn, đạt các tiêu chí (*Chi tiết có Biểu 01 kèm theo*).

2. Tiêu chí phân định địa bàn theo trình độ phát triển

2.1. Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn

Tại Điều 7, Nghị định số 272/2025/NĐ-CP quy định: Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn là thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, có ít nhất 02 trong 03 tiêu chí sau đây:

1. *Có tỷ lệ nghèo đa chiều cao gấp từ 4,0 lần trở lên so với tỷ lệ nghèo đa chiều chung của cả nước; riêng các địa phương vùng đồng bằng sông Cửu Long*

có tỷ lệ nghèo đa chiều cao gấp từ 2,0 lần trở lên so với tỷ lệ nghèo đa chiều chung của cả nước;

2. Có dưới 60% đường thôn và đường liên thôn được cứng hóa đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ;

3. Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện dưới 90%

2.2. Kết quả rà soát, phân định thôn, bon đặc biệt khó khăn

2.2.1. Thôn Phú Lợi

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của thôn là 4,45% (*Tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số chiếm trên 60% tổng số hộ nghèo của thôn*). Không đạt tiêu chí.

- Có dưới 58% đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ. Đạt tiêu chí.

- Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện 85% số hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn. Đạt tiêu chí.

** Căn cứ kết các tiêu chí trên thôn **Phú Lợi** đạt tiêu chí thôn đặc biệt khó khăn.*

2.2.2. Thôn Phú Sơn

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của thôn là 13,48% (*Tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số chiếm 100% tổng số hộ nghèo của thôn*). Đạt tiêu chí.

- Có dưới 58% đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ. Đạt tiêu chí.

- Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện 85% số hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn. Đạt tiêu chí.

** Căn cứ các tiêu chí trên thôn **Phú Sơn** đạt tiêu chí thôn đặc biệt khó khăn.*

2.2.3. Thôn Phú Xuân

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của thôn là 9,4% (*Tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số chiếm 100% tổng số hộ nghèo của thôn*). Không đạt tiêu chí.

- Có dưới 58% đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ. Đạt tiêu chí.

- Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện 87% số hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn. Đạt tiêu chí.

** Căn cứ các tiêu chí trên thôn **Phú Xuân** đạt tiêu chí thôn đặc biệt khó khăn.*

2.2.4. Thôn Đắc Nang

- Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của thôn là 11,43% (*Tỷ lệ hộ nghèo là hộ dân tộc thiểu số chiếm 100% tổng số hộ nghèo của thôn*). Không đạt tiêu chí.

- Thôn Đắc Nang có 58% đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm theo tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại pháp luật đường bộ. Đạt tiêu chí.

- Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện dưới 85% số hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn. Đạt tiêu chí.

** Căn cứ các tiêu chí trên thôn **Đắc Nang** đạt tiêu chí thôn đặc biệt khó khăn.*

Trên cơ sở kết quả rà soát và đối chiếu các quy định tại khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 5, Khoản 1 Điều 6 và Điều 7, Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ, xã Quảng Phú sau khi thực hiện sắp xếp các thôn, bon có 07/07 thôn, bon đạt tiêu chí xác định thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; có 04/07 thôn, bon đủ điều kiện là thôn đặc biệt khó khăn.

(Chi tiết có Biểu 01, 02 kèm theo)

Ủy ban nhân dân xã Quảng Phú, Báo cáo kết quả rà soát xác định lại thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn sau sắp xếp theo quy định tại Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16/10/2025 của Chính phủ, kính gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Lâm Đồng xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Dân tộc và Tôn giáo;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã;
- Các phòng, đơn vị thuộc UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VHXX (Hưng).

(Báo cáo)

CHỦ TỊCH

Phạm Ngọc Vũ

Biểu số: 01

BIỂU RÀ SOÁT XÁC ĐỊNH THÔN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Quảng Phú)

STT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn trước sắp xếp	Tên thôn sau khi sắp xếp, đổi tên	Tiêu chí xác định thôn vùng dân tộc thiểu số (Theo khoản 1 Điều 4 NĐ 272/2025/NĐ-CP)					Tiêu chí xác định thôn miền núi (Theo khoản 1 Điều 5 NĐ 272/2025/NĐ-CP)			Đạt thôn vùng đồng bào DTTS và miền núi (Theo khoản 1 Điều 6 NĐ 272/2025/NĐ-CP)	
				Tổng số hộ (hộ)	Số khẩu (người)	Trong đó dân tộc thiểu số		Tỷ lệ người DTTS (%)	Đánh giá đạt/không đạt	Độ cao so mức nước biển (m)	Độ dốc địa hình (%)	Đánh giá đạt/không đạt	
						Số hộ (hộ)	Số khẩu (người)						
1	2	3	4	5	6	7	8	(9=8/6*100)	10	11	12	13	14
1	Xã Quảng Phú												
1.1	Thôn không thực hiện sắp xếp												
	1	Thôn Phú Vinh	Thôn Phú Vinh	369	2.046	297	1.235	89,5	Không đánh giá	410	10-15		Không đánh giá
	2	Thôn Phú Thuận	Thôn Phú Thuận	350	929	12	71	5,5	Không đánh giá	410	10-15		Không đánh giá

	3	Thôn Phú Thịnh	Thôn Phú Thịnh	335	1.987	261	1.460	80,4	Không đánh giá	410	10-15		Không đánh giá
	4	Bon Choih	Bon Choih	122	576	64	292	57	Không đánh giá	410	10-15		Không đánh giá
1.2	Thôn thực hiện sắp xếp												
	1	Thôn Phú Sơn và Thôn Phú Tiến	Thôn Phú Sơn	282	1.163	146	580	50	Đạt	410	10-15	Đạt	Đạt
	2	Thôn Phú Lợi và Thôn Phú Hoà	Thôn Phú Lợi	494	2.111	327	1.547	73	Đạt	410	10-15	Đạt	Đạt
	3	Thôn Phú Xuân và Thôn Phú Trung	Thôn Phú Xuân	415	1.688	175	759	44	Đạt	410	10-15	Đạt	Đạt
	4	Thôn Phú Hưng và Thôn Phú Tân	Thôn Phú Hưng	350	1.415	14	60	4	Không đạt	410	10-15	Đạt	Đạt
	5	Thôn Đắc Nang, Phú Cường và Buôn Krue	Thôn Đắc Nang	446	1.883	117	781	41	Đạt	410	10-15	Đạt	Đạt
	6	Thôn Xuyên Tân, Xuyên Nghĩa và Xuyên An	Thôn Duy Xuyên	456	1.776	-	-	-	Không đạt	410	10-15	Đạt	Đạt
	7	Thôn Xuyên Hải, Xuyên Phước và Xuyên Hà	Thôn Đức Xuyên	429	1.791	-	-	-	Không đạt	410	10-15	Đạt	Đạt

Tổng cộng		2.872	11.827	779	3.727	212	-	2.870	-	-	-
<u>Ghi chú tại Biểu số 01:</u>											

1. Thống kê đầy đủ thông tin các thôn: Thôn trước và sau khi đổi tên, thôn không thực hiện sắp xếp, thôn thực hiện sắp xếp và số liệu của tất cả các thôn trên địa bàn xã, phường, đặc khu.
2. Xác định, phân định thôn vùng dân tộc thiểu số, thôn miền núi, thôn vùng DTTS và MN đối với các thôn thực hiện sắp xếp.

Biểu số: 02
BIỂU RÀ SOÁT PHÂN ĐỊNH THÔN ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Quảng Phú)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bon, buôn, bản, tổ dân phố,.... Sau sắp xếp	Tiêu chí phân định thôn đặc biệt khó khăn					Số tiêu chí đáp ứng	Đánh giá đạt/không đạt thôn đặc biệt khó khăn (Theo Điều 7 NĐ 272/2025/NĐ-CP)
			Tỷ lệ nghèo đa chiều (%)	Trong đó		Tỷ lệ đường thôn và đường liên thôn được cứng hoá đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm (%)	Tỷ lệ hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện (%)		
				Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)				
1	2	3	4=5+6	5	6	7	8	9	10
1	Xã Quảng Phú								
	1	Thôn Phú Sơn	13,48	2,8	10,6	58	85	3	Đạt ĐBKK
	2	Thôn Phú Lợi	4,45	1,6	2,8	58	86	2	Đạt ĐBKK
	3	Thôn Phú Xuân	9,4	1,7	7,7	58	87	2	Đạt ĐBKK
	4	Thôn Phú Hưng	6,28	1,1	5,1	88	96	0	Không đạt ĐBKK
	5	Thôn ĐăK Nang	11,43	4,5	7,0	58	85	2	Đạt ĐBKK
	6	Thôn Duy Xuyên	6,14	2,0	4,2	80	96	0	Không đạt ĐBKK
	7	Thôn Đức Xuyên	9,09	1,6	7,5	80	95	0	Không đạt ĐBKK

Ghi chú tại Biểu số 02:

1. Thống kê các Thôn sau sắp xếp đạt vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi từ Biểu 1 qua Biểu 2.
2. Đánh giá Đạt hay Không đạt thôn đặc biệt khó khăn.

BIỂU 3
BẢNG XÁC NHẬN HỘ GIA ĐÌNH CÓ HỢP ĐỒNG MUA BÁN ĐIỆN
(kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /7/2026 của UBND xã Quảng Phú)

TT	Tên xã, phường, đặc khu	Tên thôn, bon, buôn Sau sắp xếp	Tổng số hộ	Số hộ gia đình có hợp đồng mua bán điện	Tỷ lệ %
1	2	3	4	5	6=5/4*100
1	Xã Quảng Phú	Thôn Phú Sơn	282	239	85%
		Thôn Phú Lợi	494	425	86%
		Thôn Phú Xuân	415	362	87%
		Thôn Phú Hưng	350	336	96%
		Thôn Đắc Nang	446	379	85%
		Thôn Duy Xuyên	456	438	96%
		Thôn Đức Xuyên	429	408	95%
		Thôn Phú Vinh	369	295	80%
		Thôn Phú Thuận	355	348	98%
		Thôn Phú Thịnh	335	285	85%
		Thôn Bon Choih	122	100	82%